

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M – TP. HÀ NỘI
Bản án số: 182/2020/HNGĐ-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 14-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Anh Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Trần Xuân Tộ.**

2. Ông Lê Mạnh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Chị Lê Thị H*, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn N, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: thôn Đ, xã T, huyện M, TP Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: *Anh Lã Văn G*, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn N, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn *chị Lê Thị H* trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: *Chị và anh Lã Văn G* tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, thành phố Hà Nội vào ngày 15/01/2011. Vợ chồng chung với nhau hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G mãi chơi không quan tâm đến vợ con, dẫn đến nợ

nần. Thực tế vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay, chị đã dẫn con chung là Lã Thị Phương A, sinh ngày 03/7/2012 về nhà bố đẻ ở tại thôn Đình Lê, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị xin ly hôn với G.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lã Thị Phương A, sinh ngày 03/7/2012. Hiện con chung đang ở với mẹ là Lê Thị H. Nay ly hôn, chị H đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là anh Lã Văn G: Hiện có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã T, huyện M. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh G đều vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, G có đơn đề nghị gửi Tòa án nhân dân huyện M có trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh G xác nhận thời điểm đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã T, huyện M, Tp Hà Nội. Do quá trình chung sống anh G ham chơi không lo làm ăn, bỏ vợ con đi làm ăn xa, không quan tâm gì cho vợ con nên nay chị H có đơn xin ly hôn quan điểm của anh là nhất trí ly hôn.

- *Về con chung:* Anh G xác nhận có 01 con chung như chị H trình bày và hiện con chung đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và từ nhỏ anh G cũng không chăm sóc được gì cho con nên đồng ý giao con chung là cháu Phương A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh G xác nhận không có gì.

Do bận rộn công việc, đi làm ăn xa nên anh không có thời gian về Tòa án để làm việc nên đề nghị Tòa án căn cứ đơn đề nghị để giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt anh tại các cấp có thẩm quyền. Anh G xác nhận đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và không có ý kiến thắc mắc gì.

Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được giao cho mẹ đẻ của anh G là bà Lê Thị Thụy. Bà Thụy nhận trách nhiệm giao tận tay cho anh G ngay trong ngày. Do anh G không có mặt ở nhà nên Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi ở của anh G và trụ sở UBND xã T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu quan điểm:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Lê Thị H đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn anh Lã Văn G dù được triệu tập và giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến làm việc, nên đề nghị Tòa án tiến hành

giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã kéo dài, cuộc sống chung không tồn tại, hôn nhân không đạt được mục đích nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lã Văn G.

Về con chung: Xét thấy con chung từ khi vợ chồng ly thân vẫn ở với mẹ, con chung có nguyện vọng được ở với mẹ nên đề nghị giao cháu Lã Thị Phương A, sinh ngày 03/7/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Lã Văn G có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn N, xã T, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đã nộp tạm ứng án phí là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Anh Lã Văn G dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nG không đến làm việc. Anh G cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị H và anh Lã Văn G tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của chị H, anh G cũng như kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T và ý kiến cung cấp của bà Lê Thị Thụy là mẹ đẻ của anh G cho thấy: Do anh G mãi chơi, không tu chí làm ăn, nợ nần nhiều không quan tâm, chăm sóc vợ con và bỏ đi làm ăn xa. Thực tế từ năm 2012 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, chị H và cháu Lã Thị Phương A đã về nhà bố mẹ đẻ chị H ở, không ai còn quan tâm đến ai.

Xét thấy các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh G bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị H cũng như ý kiến của anh G và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân

huyện Mỹ Đức là có căn cứ theo quy định tại Khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Xét yêu cầu nuôi con chung Lã Thị Phương A, sinh ngày 03/7/2012 của chị H thì thấy: Hiện nay cháu Phương A đang ở cùng chị H, được chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và phát triển bình thường. Đồng thời, cháu Phương A cũng có đơn đề nghị mong muốn được với mẹ là chị Lê Thị H. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị H cũng như ý kiến của anh G và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, theo đó giao cháu Phương A cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có và đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Lã Văn G.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lã Thị Phương A, sinh ngày 03/7/2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị H không yêu cầu anh Lã Văn G cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lã Văn G có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Lê Thị H và anh Lã Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa không xét.

4. *Về án phí*: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002791 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

5. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã T (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Tuấn